

Bản án số: 485/2025/HS-PT

Ngày: 03/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Quang Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 447/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Anh T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Phạm Anh T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/9/2006, tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Minh T1 và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Văn K, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/02/2006, tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: sinh viên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn K1 và bà Mai Thị H; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/11/2024, bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/10/2006, tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn S và bà Lê

Thị T2 (đều đã chết), mẹ kế bà Lê Thị H1; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Tuấn A, tên gọi khác: Không, sinh ngày 15/8/2005, tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B và bà Ngô Thị H2; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày **02/12/2024**, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Trung T3, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06/10/2002, tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Văn Thị T5; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/11/2024, bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

6. Đàm Vĩnh H3, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/6/2006, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đàm Vĩnh T6 và bà Nguyễn Thị H4; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

7. Hùng Văn S1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 07/11/2006, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hùng Văn H5 và bà Trương Thị T7; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/11/2024, bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

8. Hoàng Văn L1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06/3/2006, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn T8 và bà Nguyễn Thị T9; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Tuấn A1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13/5/2007, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thiện Q và bà Hoàng Thị H6; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2024, hiện

đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

10. Hoàng Xuân A2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 14/11/2006, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Xuân T10 và bà Trương Thị H7; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/11/2024, bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

11. Ngô Thế V, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/9/2006, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Thế C và bà Vũ Thị G; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/11/2024, bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

12. Đỗ Ngọc Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 29/8/2006, tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Ngọc D và bà Trần Thị O; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/11/2024, bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V: Luật sư Lê Đình C1 – Công ty L2, Chi nhánh số 01, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; các bị cáo từ chối người bào chữa, các bị cáo tự bào chữa tại phiên tòa.*

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Lê Văn V1, Hà Văn K2, Hà Văn V2, Nguyễn Bá Đ1, Văn Đình P, Lương Văn V3, Nguyễn Bá P1 bị kết án về tội “Giết người”; bị cáo Lê Nguyễn Vũ H8 bị kết án về tội “Gây rối trật tự công cộng”, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00h ngày 15/10/2023, nhóm thanh niên 07 người ở thành phố, Thanh Hóa gồm: Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Phạm Anh T, Đỗ Thành Đ2, Nguyễn Hoàng H9 và Nguyễn Trung T3 và nhóm thanh niên 08 người ở huyện Q gồm: Đàm Vĩnh H3, Hoàng Xuân A2, Nguyễn Tuấn A1, Lê Nguyễn Vũ H8, Hùng Văn S1, Ngô Thế V, Đỗ Ngọc Đ và Hoàng Văn L1 (Gọi là nhóm 1) đang chơi Bi-a ở quán thuộc KP. Quyết Thắng, phường Q, thành phố T thì Vũ Văn K rủ đi dạo. Sau đó, Vũ Văn K điều khiển xe chở Phạm Văn N; Nguyễn Trung T3 điều khiển xe chở Đỗ Đức Đ3; Hùng Văn S1 điều khiển xe chở Nguyễn Hoàng H9; Đàm Vĩnh H3 điều khiển xe chở Lê Nguyễn Vũ H8; Phạm Anh T điều khiển xe chở

Nguyễn Tuấn A1; Trần Tuấn A điều khiển xe chở Hoàng Văn L1; Hoàng Xuân A2 điều khiển xe chở Đỗ Ngọc Đ và Ngô Thế V. Các đối tượng trên đi bằng 07 xe mô tô và xuất phát từ KP . Q, phường Q, thành phố T đến đầu cầu Đ, phường Đ, thành phố T thì dừng lại. Lúc này, Lê Nguyễn Vũ H8 thấy có một bó gậy ở ven đường nên xuống lấy chia cho những người ngồi sau các xe gồm Phạm Văn N, Đỗ Đức Đ3, Nguyễn Hoàng H9, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Văn L1 và Lê Nguyễn Vũ H8 còn xe do Hoàng Xuân A2 điều khiển chở Đỗ Ngọc Đ và Ngô Thế V không có ai cầm gậy. Phạm Anh T nói “Bây giờ đi trên đường cứ thấy ai thì trêu và lừa người đó”. Sau đó, nhóm 1 tiếp tục điều khiển xe máy di chuyển từ cầu Đ theo đường đại lộ L ra đến vòng xoay B, đi theo đường tránh thành phố T đến đường QL47 rồi rẽ trái để đi về hướng thành phố S. Trên đường đi, nhóm 1 không có ai đội mũ bảo hiểm, đi tập trung bằng 07 xe máy tạo thành hàng dài trên đường, net pô, bấm còi xe... Khi đi đến gần đường rẽ vào đền A3, nhóm 1 gặp 06 thanh niên gồm: Lê Văn V1, Văn Đình P, Hà Văn K2, Hà Văn V2, Nguyễn Bá Đ1 và Nguyễn Bá P1 (Gọi là nhóm 2) đi bằng 03 xe mô tô, đang cầm súng đi bắn chim (súng do Nguyễn Bá Đ1 và Hà Văn V2 góp tiền mua), khi phát hiện thấy Nhóm 2 thì Nhóm 1 cầm gậy đuổi đánh nhưng bị Hà Văn K2 (nhóm 2) dùng súng bắn 1 phát về phía Nhóm 1 nhưng không trúng ai. Sau đó, N1 2 bỏ chạy rồi cùng nhau về nhà Lương Văn V3.

Tại đây, nhóm 2 nói với V3 về việc bị nhóm 1 đuổi đánh rồi rủ V3 cùng đi tìm nhóm 1 để đánh nhau. Lúc này, Hà Văn K2 và Hà Văn V2 đi lấy thêm một dao tự chế (dao của Hà Văn V2 nhờ Nguyễn Bá Đ1 cất giấu ở nhà). Sau đó, nhóm 2 cùng V3 phân công Lê Văn V1 cầm súng, Hà Văn V2 cầm dao rồi cùng nhau đi tìm nhóm 1 để đánh. Khi thấy nhóm 1 đang đứng trên giải phân cách giữa đường D, phường Q, thành phố S. Nhóm 2 lao xe đến đánh thì nhóm 1 phát hiện được nên lên xe mô tô bỏ chạy. Nhóm 2 đuổi Nhóm 1 trên trục đường dài khoảng hơn 1km thì xe mô tô của Vũ Văn K chở Phạm Văn N bị nhóm 2 đuổi kịp, khi còn cách xe mô tô của Vũ Văn K và Phạm Văn N (Nhóm 1) khoảng 2m, Lê Văn V1 (N) giơ súng lên bắn một phát trúng ngực trái của Vũ Văn K (Nhóm 1) làm cho xe mô tô dừng lại. Phạm Văn N (Nhóm 1) chạy xuống ruộng bên đường còn Vũ Văn K (Nhóm 1) bỏ xe mô tô rồi chạy bộ dọc theo đường D thì bị Nguyễn Bá Đ1, Lê Văn V1 và Hà Văn V2 (Nhóm 2) lừa đánh bằng chân, tay không. Nhóm 1 định quay lại để giúp Vũ Văn K nhưng bị Hà Văn K2 (Nhóm 2) lấy súng từ Lê Văn V1 (Nhóm 2) bắn một phát nên nhóm 1 sợ quay đầu bỏ chạy. Một lúc sau, nhóm 2 lên xe bỏ đi thì nhóm 1 mới dám quay lại đưa Vũ Văn K đi bệnh viện cấp cứu

* Hiện trường được xác định:

- Hiện trường chung: Trên tuyến đường Duyên hải ven biển đi qua địa phận KP. Hồ N, phường Q, thành phố S theo hướng Bắc –N; đường 2 chiều có dải phân cách cứng ở giữa; mặt đường rải nhựa rộng 15m/chiều; dải phân cách rộng 3m; vỉa hè hai bên đường rộng 7,5m lát đá trắng đục. Phía Tây đường thuộc KP . T,

phường Q; phía Đông đường thuộc KP . H, phường Q.

- Hiện trường cụ thể: Ở ngay làn đường phía Đông theo chiều đường N – Bắc, sát dải phân cách, ở ngay đoạn ngắt dải phân cách sang đường. Ngay phần ngắt dải phân cách có cấm biển báo giao thông. Cách đường liên thôn đi vào đền T11 thuộc KP. Hồ N, phường Q, thành phố S 50m.

* Tại biên bản làm việc về việc xem xét dấu vết trên thân thể lập hồi 15h30' ngày 15/10/2023 thương tích của Vũ Văn K được xác định:

- Vùng thái dương trái có vết sưng nề, bầm đỏ, kích thước (2x1)cm;
- Vùng 1/3 trên cánh tay trái có 3 vết bầm tím, kích thước lần lượt là (1x2)cm, (1x1)cm và (0,5x0,5)cm;
- Vùng tương ứng vị trí khoang liên sườn 8, 9 bên trái, đường nách giữa có vết thương hình tròn kích thước khoảng (0,5x0,5)cm, mép vết thương nhám nhò, chảy máu;
- Kết quả chụp X-Q1 có hình ảnh dị vật cản quang vị trí khoang liên sườn 8, 9;
- Chẩn đoán: Vết thương hở vùng khoang liên sườn 8, 9 thành bên ngực trái do đạn bắn.

* Tại Bệnh án BVĐK huyện Q xác định:

- Trần dịch màng phổi trong bệnh phân loại nơi khác (Trần khí-Trần dịch màng phổi trái - đông đặc kèm xẹp phổi dạng dải thùy dưới phổi trái. Dị vật cản quang đáy phổi trái-Hậu phần vết thương còn dị vật vùng ngực trái do hỏa khí)/Đa tổn thương chưa xác định (Chấn thương vùng đầu và cánh tay trái do bị đánh).

* Tại Bản kết luận tổn thương cơ thể trên người sống số: 1825/KLTTCT-PYTH ngày 24/11/2023, Trung tâm P2 giám định kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Văn K tại thời điểm giám định là 35%.

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 2077/KLTTCT-PYTH ngày 07/12/2023, Trung tâm P2 giám định kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Văn K tại thời điểm giám định là 38%.

* Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 1826/KLVGTT-PYTH ngày 28/11/2023, Trung tâm P2 kết luận:

- + Vùng thái dương trái có khối sưng nề, bầm đỏ, kích thước (2x1)cm; do tác động của ngoại lực được tạo nên bởi vật tày.
- + Vùng 1/3 trên cánh tay trái có 3 vết bầm tím, kích thước lần lượt là (1x2)cm, (1x1)cm và (0,5x0,5)cm: Do tác động của ngoại lực được tạo nên bởi vật tày.
- + Vùng ngực trái có vết thương bầm tím, kích thước (0,5x0,5)cm, xung quanh vết thương sưng nề, rỉ máu: Do tác động của ngoại lực được tạo nên bởi vật tày có cạnh.

+ Các chấn thương, vết thương như được ghi nhận trong tài liệu, hồ sơ giám định của Vũ Văn K nếu không được xử trí, cấp cứu kịp thời thì có thể dẫn đến hậu quả chết người.

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung vật gây thương tích số 2183/KLVGTT-PYTH ngày 10/01/2024, Trung tâm P2 kết luận: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác khẩu súng hơi (loại súng săn) và loại đạn có đặc điểm như biên bản niên phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 17/10/2023 của Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, nếu đứng ở khoảng cách 2m dùng bắn vào cơ thể người có thể dẫn tới chết người được hay không./.

* Vật chứng thu giữ gồm: Nguyễn Bá Đ1 (Nhóm 2) giao nộp: 01 (một) khẩu súng, thân súng có dòng chữ AIRPORCE màu đen, có chiều dài 77cm, phần thân súng dài 33cm, phần nòng súng dài 19,5cm, bình hơi dài 24,5cm và 01 (một) hộp nhựa màu vàng bên trong có chứa nhiều viên kim loại hình nấm, có kích thước tương đồng nhau

* Tại Bản kết luận giám định số 4015/KL-KTHS ngày 02/11/2023, Phòng K3 Công an tỉnh T giám định kết luận:

- Khẩu súng có số kí hiệu “AIRPORCE aiguns SB 2305 made in USA” là súng hơi, thuộc loại súng săn-không phải vũ khí quân dụng. Hiện tại khẩu súng này còn sử dụng bắn được.

- Các viên kim loại màu xám, hình nấm có tổng khối lượng 260g và mảnh kim loại màu đen chỉ hình nấm đều là đạn súng hơi cỡ 5,5mm, thuộc loại đạn súng săn-không phải vũ khí quân dụng.

* Các vật chứng khác được thu giữ trong quá trình điều tra gồm:

- 01 (Một) gậy tre có kích thước chiều dài 2,1m, đường kính 3cm.

- 01 (Một) dao có kích thước chiều dài 70cm cán bằng gỗ dài 17cm mặt dao sáng trắng, mũi dao nhọn có vỏ bọc bằng vải màu đen.

- 01 (Một) xe máy Wawe alpha màu đen, không biển kiểm soát có số khung: RLHJA3929NY739979; số máy: JA39E2943932.

- 01 (Một) mảnh kim loại màu trắng bạc hình tròn có kích thước đường kính 0,5cm.

- 01 (Một) mảnh kim loại màu đen chỉ kích thước 0,05 x 0,3cm.

* Tại Bản kết luận giám định số 4016/KL-KTHS ngày 02/11/2023, Phòng K3 Công an tỉnh T giám định kết luận: Con dao bằng kim loại do Hà Văn V2 giao nộp cho CQĐT thuộc loại vũ khí thô sơ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố S đã trích xuất hình ảnh camera dọc tuyến đường QL47 từ thành phố T đến thành phố S. Tại Bản kết luận giám định số 284/KL-KTHS ngày 19/01/2024, Phòng K3 Công an tỉnh T giám định kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 08(tám) tệp video (trong QĐTC ghi (bảy) tệp video của 03 (ba) USB và 01 (một) đĩa CD gửi giám định.

Vật chứng trên được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý.

* Về dân sự: Các bị cáo Lê Văn V1, Văn Đình P, Hà Văn K2, Hà Văn V2, Nguyễn Bá Đ1, Nguyễn Bá P1 và Lương Văn V3 và đại diện gia đình các bị cáo đã thăm hỏi, thanh toán tiền viện phí và đền bù kinh phí khắc phục một phần hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa, Vũ Văn K không có yêu cầu, đề nghị thêm bất cứ khoản bồi thường, hỗ trợ nào khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3;

- Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hùng Văn S1, Ngô Thế V, Đỗ Ngọc Đ, Hoàng Văn L1, Vũ Văn K, Hoàng Xuân A2.

- Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Anh T, Đàm Vĩnh H3, Nguyễn Tuấn A1.

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Anh T 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

- Bị cáo Nguyễn Trung T3 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Trần Tuấn A 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 02/12/2024).

- Bị cáo Hoàng Xuân A2 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Hùng Văn S1 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Ngô Thế V 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Đỗ Ngọc Đ 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Hoàng Văn L1 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

- Bị cáo Vũ Văn K 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Phạm Văn N 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

- Bị cáo Đàm Vĩnh H3 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A1 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn V1, Hà Văn K2, Hà Văn V2, Nguyễn Bá Đ1, Văn Đình P, Lương Văn V3, Nguyễn Bá P1, Lê Nguyễn Vũ H8; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/02/2025, bị cáo Vũ Văn K kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 24/02/2025, các bị cáo Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V, Đỗ Ngọc Đ đều kháng cáo xin giảm hình phạt. Các bị cáo Hùng Văn S1, Nguyễn Trung T3 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 25/02/2025, bị cáo Hoàng Văn L1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 28/02/2025, bị cáo Phạm Anh T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 03/3/2025, bị cáo Nguyễn Tuấn A1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 05/3/2025, bị cáo Đàm Vĩnh H3 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội như quy kết tại bản án sơ thẩm là đúng; xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo tuổi đời còn trẻ, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho từng bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định

điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Sau khi phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết mới tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Phạm Anh T, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Đỗ Ngọc Đ; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Vũ Văn K, Hùng Văn S1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách với sự giám sát của chính quyền địa phương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V từ chối người bào chữa, các bị cáo tự bào chữa tại phiên tòa. Xét thấy, việc các bị cáo Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V từ chối người bào chữa, các bị cáo tự bào chữa tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử phúc thẩm, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo thấy phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng; các kết luận giám định; các vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 00h ngày 15/10/2023, nhóm 15 người (nhóm 1) đi bằng 07 xe mô tô gồm: Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Phạm Anh T, Đỗ Thành Đ2, Nguyễn Hoàng H9, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hoàng Xuân A2, Nguyễn Tuấn A1, Lê Nguyễn Vũ H8, Hùng Văn S1, Ngô Thế V, Đỗ Ngọc Đ và Hoàng Văn L1 tập trung đi chơi. H8 thấy có một bó gậy ở ven đường nên xuống lấy chia cho N, Đ2, H9, Nguyễn Tuấn A1, L1 và H8 cầm 01 gậy, rồi cùng rủ nhau đi lượn trên đường nếu gặp ai trên đường thì sẽ trêu ghẹo, đuổi đánh. Cụ

thể Phạm Anh T nói: “Bây giờ đi trên đường thì cứ thấy ai thì trêu và lừa người đó”. Tất cả đồng ý và tiếp tục điều khiển xe máy di chuyển từ cầu Đ theo đường Đ ra đến vòng xoay B, đi theo đường tránh thành phố T đến đường QL47 rồi rẽ trái để đi về hướng thành phố S. Trên đường đi, các đối tượng không đội mũ bảo hiểm, đi tập trung bằng 07 xe máy tạo thành hàng dài trên đường, net pô, bấm còi xe..., khi đi đến gần đường rẽ vào Đền A3, nhóm 1 gặp nhóm có 06 người (nhóm 2) đi bằng 03 xe mô tô gồm: Lê Văn V1, Văn Đình P, Hà Văn K2, Hà Văn V2, Nguyễn Bá Đ1 và Nguyễn Bá P1 nên đã dùng gậy đuổi đánh làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội.

[2.2] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định về hành vi phạm tội, quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn V1, Hà Văn K2, Hà Văn V2, Nguyễn Bá Đ1, Văn Đình P, Lương Văn V3, Nguyễn Bá P1, Lê Nguyễn Vũ H8, do các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập cụ thể.

[3] Về tính chất hành vi, vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng; vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của từng bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự đánh giá, phân hóa, xem xét tính chất, vị trí, vai trò mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án đồng phạm rất chi tiết, đã xác định vị trí, vai trò của các bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[4.1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều đã khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo Đàm Vĩnh H3 có bác ruột là liệt sỹ; bị cáo Trần Tuấn A có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, ông nội bị cáo tham gia thanh niên xung phong phục vụ kháng chiến; tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện; bị cáo Nguyễn Trung Thành tích C2 tham gia hoạt động thiện nguyện, ông nội bị cáo được thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, có Giấy chứng nhận bệnh binh với tỷ lệ 61%; có trường khu phố xác nhận gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tham gia đầy đủ và chấp hành các phong trào, đóng góp ủng hộ mà địa phương phát động; bị cáo Phạm Văn N có thân nhân có công với cách mạng, ông ngoại bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình bị cáo có bố mẹ đẻ đều bị bệnh và đã chết khi bị cáo còn nhỏ; bị cáo Phạm Anh T được chính quyền địa phương xác nhận về hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, bản thân mẹ bị cáo mới đi mổ thận, đang phải nuôi mẹ già và các con nhỏ; bà ngoại bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (suy tim) phải đi Hà Nội cấp cứu hai lần; bị cáo Nguyễn Tuấn

A1 có thân nhân có công với cách mạng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn K, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đàm Vĩnh H3, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Phạm Văn N, Phạm Anh T, Nguyễn Tuấn A1.

[4.2] Đối với các bị cáo Vũ Văn K, Hùng Văn S1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V là người chưa thành niên phạm tội; khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không trực tiếp sử dụng hung khí, trong đó bị cáo Vũ Văn K còn là bị hại trong vụ án, với tỷ lệ thương tật 38% sức khỏe, hiện phải thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện theo xác nhận của Bệnh viện đa khoa tỉnh T; được Công an phường Q, thành phố T xác nhận về việc luôn chấp hành chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, không có vi phạm pháp luật từ ngày 15/10/2023 đến nay; hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều rất khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận; gia đình bị cáo Hùng Văn S1, Ngô Thế V, Hoàng Xuân A2 có công với cách mạng; các bị cáo Ngô Thế V, Hoàng Xuân A2, Vũ Văn K tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương; bị cáo Hùng Văn S1 có nhiều thành tích trong quá trình học tập; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, được áp dụng thêm cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều đã thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện thái độ chấp hành bản án của các bị cáo; các bị cáo tuổi đời còn trẻ, phạm tội có phần bị rủ rê lôi kéo, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, trên cơ sở xem xét vị trí, vai trò, tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết mới tại phiên tòa cùng điều kiện hoàn cảnh thực tế của bị cáo hiện nay, thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo mà xem xét chấp nhận kháng cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Vũ Văn K, Hùng Văn S1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V được cải tạo tại địa phương với sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4.3] Đối với các bị cáo Phạm Anh T, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Đỗ Ngọc Đ, xét thấy: Bị cáo Phạm Anh T là người nói: “Bây giờ đi trên đường thì cứ thấy ai thì trêu và lừa người đó”, khơi nguồn cho việc thực hiện hành vi phạm tội; trong đó Phạm Văn N, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Văn L1 trực tiếp sử dụng hung khí, các bị cáo đều tích cực hưởng ứng lời nói của Phạm Anh T; tuy nhiên, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không bàn bạc, thống nhất hay có sự phân công, phân nhiệm chặt chẽ, mà chỉ là đồng phạm có tính giản đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều xuất trình tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo Phạm Anh T, Phạm Văn N, Nguyễn Tuấn A1 tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương; ông nội bị cáo Đàm Vĩnh H3 là thương binh; gia đình bị cáo Đỗ Ngọc Đ có công với cách mạng; đây là các tình tiết mới được Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho các bị cáo

theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo Nguyễn Trung T3, Phạm Anh T, Đàm Vĩnh H3, Phạm Văn N, Nguyễn Tuấn A1, Trần Tuấn A đã thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện thái độ chấp hành bản án của các bị cáo; đối với Phạm Anh T, Phạm Văn N, Đàm Vĩnh H3, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Đỗ Ngọc Đ khi phạm tội là người chưa thành niên phạm tội. Vì vậy, trên cơ sở xem xét vị trí, vai trò, tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết mới tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Phạm Anh T, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Đỗ Ngọc Đ cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí: Các bị cáo đều được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1.1. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Phạm Anh T** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

1.2. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Phạm Văn N** 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

1.3. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Trần Tuấn A 30** (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 02/12/2024).

1.4. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Trung T3** 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.5. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Đàm Vĩnh H3** 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

1.6. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Hoàng Văn L1** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

1.7. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Tuấn A1** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 22/11/2024).

1.8. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Đỗ Ngọc Đ** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.9. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Vũ Văn K 30** (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/6/2025).

Giao bị cáo Vũ Văn K cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

1.10. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Hùng Văn S1** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/6/2025).

Giao bị cáo Hùng Văn S1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách

nhệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

1.11. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Hoàng Xuân A2** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/6/2025).

Giao bị cáo Hoàng Xuân A2 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

1.12. Áp dụng b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Ngô Thế V** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 03/6/2025).

Giao bị cáo Ngô Thế V cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Đối với các bị cáo Vũ Văn K, Hùng Văn S1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Các bị cáo Phạm Anh T, Vũ Văn K, Phạm Văn N, Trần Tuấn A, Nguyễn Trung T3, Đàm Vĩnh H3, Hùng Văn S1, Hoàng Văn L1, Nguyễn Tuấn A1, Hoàng Xuân A2, Ngô Thế V và Đỗ Ngọc Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận: Các bị cáo Ngô Thế V và Hoàng Xuân A2, mỗi bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại các biên lai số 0003346; 0003345, đều cùng ngày 03/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Các bị cáo Vũ Văn K, Phạm Anh T, Đàm Vĩnh H3, Phạm Văn N, Nguyễn Trung T3 và Hùng Văn S1, mỗi bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại các biên lai số: 0000728; 0000735; 0000737; 0000736; 0000739; 0000738, đều cùng ngày 07/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;

Các bị cáo Nguyễn Tuấn A1 và Trần Tuấn A, mỗi bị cáo đã nộp 200.000

đồng án phí hình sự sơ thẩm tại các biên lai số: 0000742; 0000741, đều cùng ngày 08/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- TTG - CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo (theo địa chỉ và Trại tạm giam);
- UBND phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (để thực hiện);
- UBND xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (để thực hiện);
- UBND xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (để thực hiện);
- Lưu HSVA, P.HC-TP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực